

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY VÀ THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG AUTECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY VÀ THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG AUTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AUTECH AUTOMATION EQUIPMENTS AND MACHINE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110046455

3. Ngày thành lập: 30/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58 phố Tân Ấp, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988552599

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659

5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo) Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.	8230
7.	Lập trình máy vi tính	6201
8.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính chưa được phân vào đâu	6619
11.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế máy móc và thiết bị	7110
13.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
14.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
15.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
16.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không) (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)	7320
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động thiết kế và trang trí nội thất	7410
19.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; hoạt động môi giới bản quyền, Tư vấn chứng khoán)	7490
20.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
21.	Đúc sắt, thép	2431
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
26.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
27.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
28.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
31.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
34.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
35.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
36.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
37.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
38.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
39.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
40.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
41.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
42.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
43.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
44.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
45.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
46.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
47.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
48.	Sản xuất máy luyện kim	2823
49.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
50.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
51.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
52.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất máy chuyên dụng các loại	2829(Chính)
53.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
54.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

55.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
57.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
59.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
62.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
63.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
64.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
65.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỖ QUANG DUY	P507, Tháp A, Chung cư CT1 - CT2 KNỞ và CTCC Yên Hòa, Phố Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	280.000	2.800.000.000	56,000	0010790345 88	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	280.000	2.800.000.000	56,000		
2	LẠI THỊ CHINH	Số 58 phố Tân Áp, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	0331880028 98	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		

3	NGUYỄN KHẮC MẠNH	Số nhà 26, ngõ Đoàn Kết, Thôn 1, Xã Thượng Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	9,000	001088043919
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	9,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỖ QUANG DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079034588

Ngày cấp: 28/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P507, Tháp A, Chung cư CT1 - CT2 KNỞ và CTCC Yên Hòa, Phố Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P507, Tháp A, Chung cư CT1 - CT2 KNỞ và CTCC Yên Hòa, Phố Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội